TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1461/2022/DS-ST
Ngày: 29-4-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Thanh Giàu

2. Ông Trần Đăng Vạn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Hải Yến là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Ông Phạm Quốc Phong – Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 307/2021/TLST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1797/2022/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT

Trụ sở: Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1983, chức vụ: Nhân viên Ngân hàng TMCP SGTT, là đại diện ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 201/2020/UQ-CNQ4 ngày 02/12/2020

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1994

Địa chỉ: phường Tăng Nhơn Phú B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông Nguyễn Trọng H, ông Nguyễn Xuân T đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT trình bày:

Ngày 14 tháng 6 năm 2019, ông Nguyễn Xuân T có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, cùng với

Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này sau đây gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ vào thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số: 436438-3323, với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng và được sử dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 145.099.800 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 98.000.000 đồng. Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng là: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước, giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước, giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước, các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ, giao dịch rút tiền mặt trong kỳ, giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Do khách hàng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông T từ ngày 05 tháng 01 năm 2020; đồng thời, chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Tạm tính đến ngày 21 tháng 10 năm 2020, ông T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 79.721.606 đồng, gồm: 59.140.596 đồng nợ gốc và 20.581.010 đồng nợ lãi quá hạn (lãi suất quá hạn áp dụng: 150% x mức lãi suất trong hạn = 150% x 2,4% = 3,6%).

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Xuân T phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 21 tháng 10 năm 2020 là 79.721.606 đồng, gồm: 59.140.596 đồng nợ gốc và 20.581.010 đồng nợ lãi quá hạn. Ông Nguyễn Xuân T phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh của Hợp đồng từ ngày 22 tháng 10 năm 2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho ông Nguyễn Xuân T đến Tòa án để trình bày lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Trọng H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; ông có nộp cho Tòa án bảng tóm tắt sao kê tính lãi đối với khách hàng Nguyễn Xuân T tính đến ngày Tòa án xét xử vụ án (ngày 29 tháng 4 năm 2022).

Bị đơn ông Nguyễn Xuân T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do;

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật; Việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Xác định đúng người tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật; Vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung vụ án: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời khai của đương sự trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT nộp đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Xuân T phải thanh toán khoản nợ còn thiếu theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, ông T có nơi cư trú tại phường Tăng Nhơn Phú B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Nguyễn Trọng H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn – ông Nguyễn Xuân T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Trọng H, ông Nguyễn Xuân T.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày, xác nhận của người đại diện hợp pháp của các đương sự, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Ngày 14 tháng 6 năm 2019, ông Nguyễn Xuân T có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, cùng với Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này sau đây gọi chung là Hợp đồng). Xét Hợp đồng tín dụng nêu trên giữa các bên có hình thức đúng quy định của pháp luật, nội dung các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng không vi phạm điều cấm của pháp luật, các bên tự nguyện ký kết Hợp đồng tín dụng nên Hợp đồng tín dụng này phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là: 145.099.800 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 98.000.000 đồng sau đó thì không trả nữa. Qua nhiều lần nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng của ông T đối với thẻ tín dụng số: 436438-3323 từ ngày 05 tháng 01 năm 2020; đồng thời, chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn là đúng với quy định tại Điều 23 của Hợp đồng. Tính đến ngày Tòa án xét xử vụ án (ngày 29 tháng 4 năm 2022), ông T còn nợ Ngân hàng với tổng số tiền 119.109.401 đồng, gồm 59.140.596 đồng nợ gốc và 59.968.805 đồng nợ lãi quá hạn.

Xét phía ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Điều 2 của Hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết. Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T đều vắng mặt và không gửi ý kiến, giấy tờ tài liệu liên quan đến tranh chấp nêu trên cho Tòa án. Do đó việc nguyên đơn yêu cầu ông T thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết là phù hợp với thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các quy định của pháp luật nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ hướng dẫn tại Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì việc nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn phải trả khoản lãi phát sinh kể từ ngày 30 tháng 4 năm 2022 trên số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định trong Hợp đồng cho đến khi thi hành án xong là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận toàn bộ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Xuân T phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 119.109.401 đồng, gồm 59.140.596 đồng nợ gốc và 59.968.805 đồng nợ lãi quá hạn, thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 30 tháng 4 năm 2022 cho đến khi thi hành án xong, ông T còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[4] Về án phí: Bị đơn – ông Nguyễn Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 184; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 4, Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT:

Buộc ông Nguyễn Xuân T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT số tiền 119.109.401 đồng, gồm 59.140.596 đồng nợ gốc và 59.968.805 đồng nợ lãi quá hạn theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 30 tháng 4 năm 2022 cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Xuân T còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT thì lãi suất mà ông T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 5.955.470 đồng, nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.993.404 đồng theo Biên lai thu tạm ứng số: AA/2019/0047693 ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lệ Quyên